TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Huyện K- tỉnh Ninh Bình	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2018

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Kim Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K – tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị N, sinh năm 1992; ĐKHKTT: xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: anh Ninh Văn H, sinh năm 1981; ĐKHKTT và trú tại: xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện có mặt chị N và anh H tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/6/2018 và bản tự khai ngày 20/6/2018, chị Trần Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Ninh Văn H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình chồng tại xóm 2, xã Y. Do trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu ngắn không thực sự hiểu rõ về nhau và khác biệt về phong tục tập quán vì vậy khi về chung sống chỉ được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng tính tình không hợp nhau, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục và gia đình đã nhiều lần động viên hòa giải cho vợ chồng nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn,

cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị vào tỉnh Đồng Nai làm ăn, còn anh H vẫn làm ăn sinh sống tại quê, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Nay chị thấy thời gian ly thâm đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H ly hôn.

Về con cái: chị xác định vợ chồng có 02 người con chung là Ninh Đức K, sinh ngày 05/10/2011 và Ninh Đức P, sinh ngày 05/9/2013, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh H. Ban đầu chị đề nghị để anh H nuôi cả hai con chung, chị chịu trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cho anh H mỗi cháu 500.000đ/tháng, tuy nhiên chị cũng tôn trọng nguyện vọng của các con. Tại phiên hòa giải ngày 03/8/2018 và tại phiên tòa hôm nay chị đề nghị được nhận nuôi con chung là Ninh Đức P, để anh H nuôi cháu Ninh Đức K theo nguyện vọng của cháu và giữa hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: chị xác định vợ chồng không có tài sản chung; tài sản riêng của ai người đó quản lý sử dụng vì vậy chị không đề nghị giải quyết về tài sản.

Anh Ninh Văn H là bị đơn trong vụ án, qua lời khai ngày 25/6/2018 và ý kiến trình bày tại phiên hòa giải ngày 03/8/2018 cũng như tại phiên tòa nội dung thể hiện: anh và chị N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng vì lý do tôn giáo, chị N theo đạo Thiên Chúa còn anh không theo đạo và vợ chồng kết hôn nhưng chưa làm phép đạo theo tập tục Công giáo, bố mẹ chị N yêu cầu anh phải làm phép đạo do đó vợ chồng mới hiểu lầm nhau và chị N đã tự bỏ vào huyện Đ, tỉnh Đồng Nai sinh sống cùng bố mẹ từ cuối năm 2016 đến nay, mặc dù anh đã nhiều lần vào tìm đón chị N về chung sống nhưng chị N không về, đồng thời gia đình bố mẹ chị N cũng không cho chị N về chung sống cùng anh cho dù bản thân anh không xúc phạm, chửi bới, hành hạ gì chị N. Nay chị N quyết tâm xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí với điều kiện chị N phải nhận nuôi cả hai con chung hoặc nếu chị N không nhận nuôi cả hai con thì phải viết giấy từ bỏ con.

Về con cái: anh công nhận vợ chồng có hai người con chung như chị N trình bày, hiện cả hai người con đang ở với anh. Trường hợp chị N quyết tâm xin ly hôn thì anh nhường cho chị N nuôi cả hai con chung, anh chịu trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi cháu 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản: anh xác định vợ chồng không có tài sản nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; các đương sự trong vụ án đã chấp hành theo quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề xuất xử

ly hôn giữa chị Trần Thị N với anh Ninh Văn H; con chung chưa thành niên của vợ chồng giao chị N nuôi cháu Ninh Đức P, để anh H nuôi cháu Ninh Đức K và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Ninh Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Y, là quê của anh H. Do chị N theo đạo Công giáo, còn gia đình anh H không theo đạo Công giáo vì vậy khi vợ chồng đăng ký kết hôn, bố mẹ chị N yêu cầu anh H phải làm phép đạo theo tập tục Công giáo thì anh H không thực hiện từ đó xảy ra bất đồng giữa anh H với gia đình chị N; Tiếp đó trong quá trình chung sống giữa chị N và anh H do có khác biệt về cách sống của vùng miền, phong tục tập quán khác nhau, một phần khác cũng vì lý do tôn giáo khác biệt, các bên lại không có sự cảm thông với nhau nên xảy ra mâu thuẫn giữa chị N với gia đình nhà chồng, từ đó dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N đã bỏ vào huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để sinh sống từ năm 2016 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Mặc dù cũng đã có lần anh H vào tỉnh Đồng Nai để gặp bố mẹ chị N thuyết phục chị N quay về nhưng không được bố mẹ chị N đón tiếp và anh cũng không gặp được chị N mà chỉ đón hai người con chung đang ở cùng ông bà ngoại do trước đây chị N đưa đi theo. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống, còn anh H mặc dù ban đầu không nhất trí ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng mặc dù đã được Tòa án tạo điều kiện hòa giải. Tại phiên tòa anh đưa ra điều kiện chị N phải nhận nuôi cả hai con hoặc viết giấy từ bỏ con thì anh mới đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh H đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H là phù hợp.

[2] Về quan hệ con cái và tài sản: Vợ chồng có hai người con chung là Ninh Đức K, sinh ngày 05/10/2011 và Ninh Đức P, sinh ngày 05/9/2013, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh H. Chị N đề nghị nhận nuôi cháu P, để anh H nuôi cháu K và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, cháu K qua ý kiến trình bày cũng có nguyện vọng được ở với bố, còn anh H đề nghị để chị N nuôi cả hai con chung, anh nhận trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cho chị N mỗi cháu 2.000.000đ/tháng. HĐXX xét thấy, điều kiện kinh tế của cả anh H và chị N đều ở mức trung bình, chưa có nhà riêng mà đều còn ở nhờ nhà của bố mẹ vì vậy khi giải quyết ly hôn cần giao mỗi người nuôi dưỡng một người con chung và không phải đóng góp

tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau như đề nghị của chị N và nguyện vọng của cháu K là phù hợp.

[3] Về tài sản: do các đương sự không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Xử ly hôn giữa chị Trần Thị N với anh Ninh Văn H.

Giao chị N nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Ninh Đức P, sinh ngày 05/9/2013, để anh H nuôi dưỡng con chung là Ninh Đức K, sinh ngày 05/10/2011 và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002860 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án huyện K.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh